

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2018
V/v chị Nh xin ly hôn anh B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Phúc

2. Bà Lê Thị Sinh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Nh, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường T, thành phố Th; nơi cư trú: Thôn TQ, xã TB, thành phố Th, tỉnh Thái Bình ; có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Kiếm B, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường T, thành phố Th; nơi cư trú: phường T, thành phố Th; có mặt

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn TQ, xã TB, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

3.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957; nơi cư trú: phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Kiếm B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Bình ngày 17 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn được khoảng hơn hai năm (khoảng giữa năm 2015) chị thấy anh sống vô trách nhiệm, không quan tâm đến gia đình và con cái. Mọi chi phí sinh hoạt gia đình đều do mình chị lo toan hết. Tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt, không còn quan tâm nhau nữa. Chị và anh B đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Xác định vợ chồng không thể đoàn tụ và bản thân chị cảm thấy không thể tiếp tục cuộc sống như thế nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về quan hệ con chung: Chị và anh B có một con chung là Vũ Việt C sinh ngày 19 tháng 6 năm 2013, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh B góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay tài sản gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Nh trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh B và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh B về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh B cho rằng chị tự ý bỏ nhà đi là không đúng. Khi chị lên Hà Nội nhưng hàng tháng chị vẫn về thăm nhà, đón con lên Hà Nội chơi và gọi điện cho bà nội cháu C là mẹ đẻ anh B để hỏi thăm con. Hiện cháu C đang ở cùng chị và gia đình chị. Chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu đến khi cháu được hai tuổi thì chị và anh B phát sinh mâu thuẫn. Khoảng tháng 4/2017, chị và gia đình chị đã đến xin phép gia đình anh B cho cháu về bên ngoại cho mát mẻ, có điều kiện chăm sóc cháu tốt hơn. Chị đang làm ở hiệu làm tóc ở Hà Nội, thu nhập hàng tháng

khoảng 9.000.000 đồng /tháng nếu chị được giao trực tiếp nuôi con chị sẽ đón con lên Hà Nội cùng chị để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu tốt hơn. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị Nh trình bày chị chuẩn bị thôi việc ở trên Hà Nội và về Thái Bình mở hiệu làm tóc để tiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc con và gần bố mẹ đẻ.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 29 tháng 11 năm 2017 và bản tự khai đề ngày 03 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử bị đơn Vũ Kiếm B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim Nh tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Bình ngày 17 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được khoảng hai năm thì chị Nh có xin phép gia đình cho chị lên Hà Nội học ngoại ngữ để xin việc làm. Từ đó chị Nh cắt đứt liên lạc với anh và anh cũng không biết lý do gì mà chị Nh làm thế với anh. Vì không liên lạc được với chị Nh nên anh không có cơ hội quan tâm chị, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Khoảng cuối năm 2015, khi anh đang làm việc tại tỉnh Thừa Thiên Huế, chị Nh chưa lên Hà Nội, chị Nh có gọi điện thoại cho anh đòi ly hôn. Vì nghĩ con còn nhỏ nên anh và chị Nh thống nhất chưa giải quyết ly hôn, cùng nuôi con nhưng sẽ không can thiệp vào cuộc sống của nhau nữa. Sau khoảng thời gian tình cảm vợ chồng trực trặc, anh thấy chị không còn tình cảm dành cho anh nữa. Nay chị Nh xin ly hôn, anh cũng nhất trí ly hôn chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh có một con chung là Vũ Việt C sinh ngày 19 tháng 6 năm 2013. Con C ở cùng với gia đình anh từ nhỏ cho đến tháng 6/2017, chị Nh và bố mẹ đẻ chị Nh có xin đón cháu về thôn TQ, xã TB, thành phố Th ở do gia đình anh đang thuê trọ, nhà cửa chưa ổn định nên gia đình anh cũng nhất trí. Nay chị Nh xin ly hôn anh, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Nh góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh. Hiện anh đang làm ở công ty cổ phần SBTECH tại Hà Nội, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Đúng như chị Nh trình bày, anh và chị Nh không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay tài sản gì của ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh B trình bày: Anh nhất trí ly hôn chị Nh. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do chị Nh tự ý bỏ nhà lên Hà Nội chỉ nói với mẹ anh mà không nói với anh. Anh không đồng ý với việc chị Nh cho rằng chi phí sinh hoạt là do chị Nh lo hết, anh vẫn gửi tiền cho mẹ đẻ anh để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Anh không đồng ý giao con cho chị Nh nuôi. Vì anh cho rằng từ ngày chị Nh đón cháu C về nhà, chị Nh đi làm trên Hà Nội, người trực tiếp chăm nuôi cháu C là bố mẹ chị Nh. Ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Nh về việc cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập hàng tháng của anh là 9.000.000 đồng/tháng. Anh cam kết đủ điều kiện chăm sóc con chung. Nếu anh được trực tiếp nuôi con, anh sẽ thu xếp thay đổi chỗ làm việc để tiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Về hôn nhân: Chị Nh và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Bình ngày 17 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn chị Nh và anh B thường xuyên không có mặt ở nhà nên quá trình chung sống của vợ chồng địa phương không rõ. Khoảng tháng 6/2017 chị Nh có làm đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú của anh B nhưng không thấy nói gì về việc vợ chồng mâu thuẫn hay việc chị làm thủ tục ly hôn. Nay chị có yêu cầu ly hôn anh B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Nh và anh B có một con chung là Vũ Việt C sinh ngày 19/6/2013, đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh, nguyện vọng của mỗi người và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Thanh T1 là bố đẻ chị Nh trình bày: Sau khi kết hôn chị Nh và anh B cùng học nghề làm tóc được một thời gian ngắn thì anh B bỏ học nghề, chị Nh tiếp tục học và gia đình ông đã hỗ trợ chị Nh kinh phí để mở hiệu tóc trên thành phố Thái Bình. Còn anh B thì

không có công việc ổn định, không thường xuyên ở nhà. Vì vậy khoảng tháng 4, tháng 5/2017 chị Nh và gia đình ông đã đón cháu C về để có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Thỉnh thoảng bà nội cháu C là mẹ đẻ anh B có sang thăm cháu và đón cháu C về nhà chơi nhưng anh B thì không thấy sang thăm con. Nay chị Nh xin ly hôn anh B, ông và gia đình không can thiệp vì chị Nh anh B đã trưởng thành tự quyết định được cuộc sống của mình.

Về con chung: Cháu C hiện đang chung sống cùng gia đình ông và học tại trường mầm non xã TB, thành phố Th. Nếu chị Nh anh B ly hôn, hai mẹ con chị Nh về ở gia đình ông, gia đình luôn tạo điều kiện cho mẹ con chị Nh có chỗ ở, sinh hoạt ổn định. Gia đình anh B còn đang đi thuê nhà, anh B làm việc xa nhà nên việc chăm sóc con gặp nhiều khó khăn, không thuận tiện, không đảm bảo cho cháu cuộc sống ổn định.

Về tài sản chung của chị Nh, anh B ông không rõ nên không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ của anh B trình bày: Quá trình chị Nh, anh B chung sống bà thấy vợ chồng không to tiếng, mâu thuẫn gì lớn. Năm 2014, anh B đi làm ăn xa, chị Nh gọi điện cho anh B nói anh B gửi tiền về cho mẹ con chị. Thời điểm đó anh B mới đi làm, lương chưa cao nên không gửi nhiều tiền về cho chị Nh được nên chị Nh ở nhà cho rằng anh B không quan tâm đến hai mẹ con chị. Dần dần chị Nh thay đổi tình cảm với anh B, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Nh xin ly hôn anh B, bà tôn trọng quyết định của chị Nh và anh B vì nếu có cố gắng hàn gắn nhưng không thành, có tiếp tục cuộc sống hôn nhân mà không hạnh phúc thì vợ chồng chị Nh, anh B lại trách bà nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị Nh và anh B.

Về con chung: Chị Nh và anh B có một con chung là Vũ Việt C hiện đang sống chung với gia đình chị Nh. Khoảng tháng 6/2017 chị Nh và gia đình đến nhà bà xin đón cháu C về ăn Tết và ở chơi một thời gian với gia đình chị Nh cho qua mùa ẩm ướt, đỡ muỗi đốt cháu. Vì nhà bà đang đi thuê, chưa ổn định nên chị Nh và gia đình nói vậy bà đồng ý. Nay chị Nh, anh B ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cháu C cho anh B trực tiếp nuôi. Hiện nay anh B đang làm công ty trên

Hà Nội, thu nhập ổn định, hàng tháng anh B vẫn gửi tiền cho bà chăm cháu C. Chủ nhật hàng tuần bà vẫn đến gia đình chị Nh để thăm cháu C. Bà hiện đang ở nhà, có thời gian và điều kiện chăm sóc cháu C, đỡ đàn cháu B được còn chị Nh công việc không ổn định, nay đây mai đó nên bà không thể giao cháu C cho chị Nh được.

Về tài sản chung và nợ chung của chị Nh, anh B bà không rõ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 (sau đây viết tắt là BLTTDS năm 2015). Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 xử cho chị Nguyễn Thị Kim Nh được ly hôn anh Vũ Kiếm B; áp dụng các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, xử giao con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Nh; về tài sản: Chị Nh, anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Nh và bị đơn Vũ Kiếm B có mặt, người làm chứng Nguyễn Thanh T1 vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 229 BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

* Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị Nh và anh B tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Th ngày 17/01/2013 theo giấy chứng

nhận kết hôn số 09/2013, quyền số 01/2013 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống được hơn hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Nh thì anh B không quan tâm đến hai mẹ con chị và chi phí sinh hoạt đều do chị lo hết. Khoảng cuối năm 2015, chị Nh nói với anh B về việc vợ chồng ly hôn nhưng do lúc đó con chung còn nhỏ nên chị Nh và anh B đã thống nhất chưa ly hôn để cùng chăm sóc con chung nhưng không được can thiệp vào cuộc sống của nhau nữa. Chị Nh và anh B đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị Nh xin ly hôn anh B, anh B cũng nhất trí. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, căn cứ Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 xử cho ly hôn giữa chị Nh và anh B.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nh và anh B có một con chung là Vũ Việt C sinh ngày 19 tháng 6 năm 2013. Hiện nay cháu C đang ở cùng chị Nh và gia đình chị Nh. Chị Nh và anh B đều thể hiện nguyện vọng được nuôi con chung và đều có được sự hỗ trợ từ phía gia đình trong việc chăm sóc con cái. Anh B làm công trình thu nhập bình quân 6000.000 đồng/1 tháng, anh B đang làm việc trên Hà Nội, mẹ đẻ anh B hiện vẫn còn đang đi thuê nhà. Chị Nh về ở cùng bố mẹ đẻ ở, chị làm nghề cắt tóc thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/1 tháng, bố mẹ đẻ tạo mọi điều kiện tốt nhất cho chị Nh và cháu C do cháu C còn nhỏ cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của mẹ. Để bảo đảm quyền và lợi ích mọi mặt của cháu C, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, cần xử giao con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu anh B góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Chị Nh và anh B không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay tài sản gì của ai nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nh và anh B có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 229 và Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim Nh và anh Vũ Kiêm B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Vũ Việt C sinh ngày 19 tháng 6 năm 2013 cho chị Nh trực tiếp nuôi.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

2.3. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Chị Nh, anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006746 ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, như vậy chị Nh đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nh và anh B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Th, tỉnh Thái Bình (đăng ký kết hôn số 09/2013, quyền số 01/2013, ngày 17 tháng 01 năm 2013);
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng